

Bản án số: 37/2020/DS-ST

Ngày: 12-6-2020

V/v “tranh chấp tiền hụi”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Minh Thiệp.

Ông Trần Hoàng Giang.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Văn Kệ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp tiền hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Phan Hùng D, sinh năm 1958 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C ..

***- Bị đơn:***

1. Ông Bông Thành V (vắng mặt).

2. Bà Hồ Thị N, sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C ..

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Bà Châu Thị L

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C ..

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Hùng D trình bày: Ông Bông Thành V và bà Hồ Thị N

làm chủ hội, ông và vợ ông là bà Châu Thị L có tham gia chơi hội, trong danh sách hội ghi tên ông nhưng bà L là người trực tiếp giao dịch với bà N và ông V. Ông và bà L tham gia chơi hội và mua hội do bà N và ông V làm chủ hội, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất mở vào ngày 20 tháng 7 năm 2018 (âl), loại hội 1.000.000 đồng, dây hội có tổng cộng 46 chân, hội mỗi tháng khui 01 lần, vào ngày 20 hàng tháng. Ông và bà L có tham gia hai chân hội. Đến khui hội lần thứ 23 ông V và bà N tuyên bố đình hội và còn nợ lại ông 23 lần hội x 2 x 1.000.000 đồng = 46.000.000 đồng. Trong dây hội này ông và bà L có mua một chân hội, ông giao tiền cho ông V và bà N số tiền là 27.510.000 đồng, sau đó bà N và ông V tuyên bố đình hội. Vậy ông V và bà N còn nợ ông 23 lần chét x 1.000.000 = 23.000.000 đồng; 23 chân sống x 570.000 đồng = 13.110.000 đồng. Tổng cộng dây hội này bà N, ông V nợ bà là 82.110.000 đồng.

Dây hội thứ hai mở vào ngày 06 tháng 02 năm 2018 (âl), loại hội 1.000.000 đồng, dây hội có tổng cộng 43 chân, hội mỗi tháng khui 01 lần, vào ngày 06 hàng tháng. Ông và bà L có tham gia hai chân hội, đến khui hội lần thứ 17 ông V và bà N tuyên bố đình hội và còn nợ lại ông 16 lần hội x 2 x 1.000.000 đồng = 32.000.000 đồng.

Dây hội thứ ba mở vào ngày 06 tháng 9 năm 2018 (âl), loại hội 1.000.000 đồng, dây hội có tổng cộng 44 chân, hội mỗi tháng khui 01 lần, vào ngày 06 hàng tháng. Ông và bà L có tham gia hai chân hội, đến khui hội lần thứ 10 ông V và bà N tuyên bố đình hội và còn nợ lại ông 09 lần hội x 2 x 1.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

Dây hội thứ tư mở vào ngày 09 tháng 02 năm 2019 (âl), loại hội 2.000.000 đồng, hội mỗi tháng khui 01 lần, vào ngày 09 hàng tháng. Ông có tham gia một chân hội, đến khui hội lần thứ 05 ông V và bà N tuyên bố đình hội và còn nợ lại ông 04 lần hội x 2.000.000 đồng = 8.000.000 đồng.

Tổng cộng ông V và bà N nợ ông và bà L bốn dây hội với số tiền là 140.110.000 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V và bà N trả cho ông và bà L số tiền nợ hội là 140.110.000 đồng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 23 tháng 10 năm 2019 bị đơn bà Hồ Thị N trình bày: Bà thừa nhận bà có làm chủ hội và ông Phan Hùng D và bà L có tham gia chơi hội và mua hội đúng như ông D trình, bà còn nợ ông D, bà L số tiền 140.110.000 đồng, việc làm chủ hội là bà tự làm không liên quan đến ông V chồng bà. Bà đồng ý trả cho ông D và bà L số tiền 140.110.000 đồng.

- Đối với ông Bông Thành V đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông V và bà L vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

- Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị L trình bày: Bà và ông D có tham gia chơi hội và mua hội do ông Bông Thành V và bà Hồ Thị N làm chủ đúng như ông D trình bày. Bà yêu cầu ông V và bà N trả cho bà và ông D số tiền 140.110.000 đồng.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hùng D. Buộc ông Bông Thành V và bà Hồ Thị N trả cho ông Phan Hùng D số tiền 140.110.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Hùng D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Bông Thành V và bà Hồ Thị N trả tiền hụi. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp tiền hụi*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Bông Thành V là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Bông Thành V.

[3] Xét thấy việc ông Phan Hùng D và bà L có tham gia chơi hụi do bà Hồ Thị N làm chủ là có thật, việc này bà N đã thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 23 tháng 10 năm 2019 và tại phiên tòa. Ông D cho rằng ông và bà L có tham gia chơi hụi và mua hụi do bà N làm chủ. Sau khi tuyên bố đình hụi bà N còn nợ ông và bà L số tiền 140.110.000 đồng, trong quá trình đóng hụi ông không nhớ cụ thể mỗi kỳ đóng bao nhiêu tiền, do bà N tuyên bố đình hụi nên ông yêu cầu bà N và ông V trả số tiền 140.110.000 đồng. Xét thấy việc bà N có nợ tiền hụi ông D và bà L số tiền 140.110.000 đồng là có thật thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân và tại phiên tòa bà N thừa nhận có thiếu tiền hụi ông D bà L số tiền 140.110.000 đồng và đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông D. Do đó, ông D yêu cầu bà N trả cho ông và bà L số tiền 140.110.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà nguyệt cho rằng việc bà làm chủ hụi không liên quan đến ông V nên ông V không có nghĩa vụ trả nợ cho ông D. Xét thấy, việc bà N làm chủ hụi trong thời gian dài ông V biết nhưng không có ý kiến phản đối việc bà N làm chủ hụi; giữa ông V và bà N cũng không có văn bản thỏa thuận việc bà N làm chủ hụi là giao dịch riêng của vợ chồng. Tại phiên tòa bà N thừa nhận tiền nhận hoa hồng từ việc làm chủ hụi để sử dụng chung trong gia đình và bà N nợ D, bà L phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N với ông V. Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông V nhưng ông V không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D về việc yêu cầu ông V và bà N trả cho ông D và bà L số tiền 140.110.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của ông D được chấp nhận nên ông D không phải chịu án phí, ông D đã nộp tạm ứng án phí 3.503.000 đồng được nhận lại. Ông V và

bà N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 7.005.500 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu phùng.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Hùng Hùng. Buộc ông Bông Thành V và bà Hồ Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Hùng D và bà Châu Thị L số tiền 140.110.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu một trăm mười ngàn đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. Về án phí: Ông Phan Hùng D không phải chịu án phí, ông D đã nộp tiền tạm ứng án phí 3.503.000 đồng (ba triệu năm trăm lẻ ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019500 ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; ông D được nhận lại khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Bông Thành V và bà Hồ Thị N có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.005.500 đồng (bảy triệu không trăm lẻ năm ngàn năm trăm đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi cán có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Bông Thành V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt Triều**